

SINH TRƯỞNG, NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG THỊT CỦA TỔ HỢP LỢN LAI PIC280 x [LANDRACE x (DUROC x VCN- MS15)] VÀ PIC399 x [LANDRACE x (DUROC x VCN-MS15)] NUÔI TẠI TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

**Nguyễn Xuân An, Lê Đình Phùng, Lê Đức Thọ,
Đinh Thị Bích Lân, Phùng Thăng Long**

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của 2 tổ hợp lợn lai PIC280 x [Landrace x (Duroc x VCN-MS15)] và PIC399 x [Landrace x (Duroc x VCN-MS15)] nuôi tại tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tổng số 36 con lợn lai 60 ngày tuổi gồm 18 cá thể (9 đực thiến và 9 cái)/tổ hợp lai đã được sử dụng và thiết kế thí nghiệm theo kiểu ngẫu nhiên hoàn toàn. Lợn được nuôi cá thể trong chuồng hở, được cung cấp nước uống đầy đủ và ăn tự do các hỗn hợp thức ăn hoàn chỉnh phù hợp với các giai đoạn và theo dõi sinh trưởng. Thời gian nuôi lợn thí nghiệm là 90 ngày (từ 60-150 ngày tuổi). Kết thúc thí nghiệm, 6 lợn (3 đực và 3 cái)/1 tổ hợp lai có khối lượng trung bình 96,60 kg/con được giết thịt để đánh giá năng suất và lấy mẫu cơ thể ở giữa xương sườn thứ 10-14 để phân tích chất lượng thịt. Kết quả nghiên cứu cho thấy lợn lai PIC280 x [Landrace x (Duroc x VCN-MS15)] và PIC399 x [Landrace x (Duroc x VCN-MS15)] có tốc độ sinh trưởng tuyệt đối nhanh, tương ứng 775,31 và 827,50 g/con/ngày ($P < 0,05$), hệ số chuyển hóa thức ăn thấp 2,56 và 2,53 kg thức ăn/kg tăng khối lượng ($P > 0,05$), năng suất và chất lượng thân thịt xẻ tốt: tỷ lệ mót hàm: 78,76 và 78,95%, tỷ lệ thịt xẻ: 71,59 và 71,84% và tỷ lệ nạc/thân thịt xẻ là 59,08 và 60,26% ($P > 0,05$). Kết quả phân tích các chỉ tiêu chất lượng thịt gồm pH, màu sắc, tỷ lệ mất nước bảo quản, tỷ lệ mất nước chế biến, độ dai (lực cắt), thành phần hóa học và tỷ lệ axit béo no và chưa no trong cơ thể của 2 tổ hợp lợn lai nghiên cứu là tương đương nhau và nằm trong phạm vi chất lượng thịt đảm bảo.

Từ khóa: *Chất lượng thịt, năng suất thân thịt, PIC280 x [Landrace x (Duroc x VCN-MS15)], PIC399 x [Landrace x (Duroc x VCN-MS15)], sinh trưởng, thành phần axit béo.*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Đức

Ngày nhận bài: 28/9/2018

Ngày thông qua phản biện: 29/10/2018

Ngày duyệt đăng: 5/11/2018